TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2023/DS-PT
Ngày: 29/11/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các thẩm phán: Ông Trần Duy P và ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 342/2023/TLPT-DS về việc: *"Tranh chấp hợp đồng giao khoán".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV cà phê A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc T – C/v: Giám đốc. Địa chỉ: Thôn 04, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thông: Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Phồn V và ông Võ Khắc T. Địa chỉ: Thôn 04, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P. Địa chỉ: Thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 09, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2022, trong quá trình làm việc và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A trình bày*:**

Theo nội dung hợp đồng giao khoán, giữa Công ty TNHH MTV cà phê A (sau đây gọi tắt Công ty A) với bà P có ký hợp đồng giao khoán để bà P nhận khoán diện tích lúa nước 1.051m^2, đóng sản lượng cho Công ty giai đoạn 2011-2015 và phụ lục của hợp đồng 2016-2017. Theo nội dung của hợp đồng các bên đã ký, bà Nguyễn Thị P đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Công ty A, các bên không có tranh chấp. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay Công ty A tổ chức để bà P ký hợp đồng giao khoán giai đoạn 2018-2022, có mời nhiều lần nhưng bà P không lên ký hợp đồng, cũng không đóng sản lượng cho Công ty mà vẫn canh tác trên phần diện tích trước đó đã nhận. Do đó, Công ty A khởi kiện đề nghị chấm dứt hợp đồng giao khoán với bà Nguyễn Thị P, yêu cầu bà P trả toàn bộ diện tích đất lúa nước 1.051m^2, tại tờ bản đồ số 83, thửa đất số 148, thuộc thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về sản lượng bà P còn nợ Công ty từ giai đoạn 2018-2022 bà P cho rằng không ký hợp đồng nên không đóng sản lượng. Hiện nay, Công ty A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công ty A không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà P về việc trả lại các khoản: Bảo hiểm xã hội, khoản phép, khoản khấu hao tài sản cố định, khoản lãi vay do Công ty đầu tư 100% là 37.527.834 đồng từ thời điểm năm 1999 đến giai đoạn 2015; buộc công ty bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 107.572.500 đồng.

Tại đơn phản tố ngày 20/03/2023, cũng như quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Không đồng ý với lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Lý do, bà P chưa ký hợp đồng giao khoán lại với Công ty A là do phía Công ty không cung cấp P án giao khoán cho bà P biết, nên bà P không biết phải nộp những khoản gì và bao nhiêu nên bà P chưa nộp sản lượng cho Công ty mà không phải là không nộp.

Như vậy, Công ty đã vi phạm khoản 3, 6 Điều 33 Điều lệ hoạt động của Công ty A nên bà P không vi phạm hợp đồng, không vi phạm nội quy của Công ty, không vi phạm luật đất đai. Bà P không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Bà Nguyễn Thị P phản tố yêu cầu Công ty A trả lại các khoản thu sai cụ thể: các khoản thuế, khấu hao giai đoạn 1990 – 2010 là 2.808.621 đồng; giai đoạn 2011 – 2015 là 19.517.958 đồng; giai đoạn 2016 – 2017 là 5.780.775 đồng; tổng 37.527.834 đồng. Trường hợp Công ty A đòi lại đất thì phải trả cho bà P giá trị quyền sử dụng đất là 107.572.500 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 501, 502, 503, 504, 506 và Điều 511 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A.

Chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 109/2/2011/HĐGNK ngày 08/08/2011 và Phụ lục hợp đồng số 109/2/2016/PLHĐ ngày 21/04/2016.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại diện tích đất lúa 1051 m^2, tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 83, đất tọa lạc tại thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H cạnh dài 52,70m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N, cạnh dài 54,25m; Phía Nam giáp đất ông Vũ Ngọc T, cạnh dài 20,20m; phía Bắc giáp đất ông Vũ Ngọc T, cạnh dài 19,40m.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A phải trả sản lượng thu sai tổng số tiền 37.527.834 đồng và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất là 107.572.500 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 13/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí, nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Ngày 08/08/2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A (Gọi tắt là Công ty A) và bà Nguyễn Thị P ký kết Hợp đồng giao nhận khoán đất số 109/2/2011/HĐGNK, với diện tích 1051m^2 đất lúa, thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 83, tọa lạc tại thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sản lượng lúa khô phải nộp là 147 kg/vụ (Một năm hai vụ). Thời hạn thực hiện của hợp đồng đến ngày 31/12/2015. Ngày 21/4/2016, các bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng số 109/2/2016/PLHĐ để gian hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2017.

Xét tính hợp pháp của hợp đồng nhận khoán đất được ký kết giữa Công ty A và bà Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên tự nguyện tham gia ký kết hợp đồng và việc ký kết hợp đồng đúng thẩm quyền; đúng mục đích và nội dung của hợp đồng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà P đã thực hiện việc quản lý, canh tác trồng lúa trên diện tích đất nhận khoán và đóng đầy đủ sản lượng hàng năm theo thỏa thuận đã được các bên ký kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, hết thời hạn gia hạn hợp đồng từ năm 2018 cho đến nay, bà P không ký lại hợp đồng giao khoán, không thanh lý hợp đồng, mà vẫn tiếp tục canh tác thu hoạch sản phẩm trên diện tích đất đã nhận của Công ty A là vi phạm nghĩa vụ của bên nhận đất giao khoán, căn cứ Điều 3 của Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm vườn cây cà phê số 109/2/2011/HĐGNK ngày 08/8/2011 được ký kết giữa các bên thì Công ty có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng giao nhận khoán.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà P không ký vào phụ lục hợp đồng giai đoạn 2016 - 2017, Công ty A đã giả mạo chữ ký của bà P; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và nộp tạm ứng chi phí giám định là thiếu sót, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng từ năm 2011 đến năm 2017 bà P canh tác, quản lý trồng lúa trên diện tích nhận khoán và đóng đầy sản lượng hàng năm cho Công ty A thể hiện việc bà P biết và đồng ý với Phụ lục hợp đồng số 109/2/2016/PLHĐ ngày 21/4/2016 về việc gia hạn hợp đồng giao nhận khoán đến ngày 31/12/2017. Do đó, Tòa án cấn phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải giám định chữ ký của bà P tại Phụ lục hợp đồng nói trên.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A tuyên xử chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 109/2/2011/HĐGNK ngày 08/08/2011; Phụ lục hợp đồng số

109/2/2016/PLHĐ ngày 21/04/2016 được ký kết giữa Công ty A và bà Nguyễn Thị P; buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại diện tích đất lúa 1051m^2, tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 83, đất tọa lạc tại thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, phù hợp với Điều 3 của Hợp đồng giao nhận khoán và Điều 501, Điều 511 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét yêu cầu phản tố và nội dung kháng cáo của bị đơn; HĐXX phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc Công ty A trả lại các khoản thuế, khấu hao thu sai giai đoạn 1990 – 2010 là 2.808.621 đồng; giai đoạn 2011 – 2015 là 19.517.958 đồng; giai đoạn 2016 – 2017 là 5.780.775 đồng. Tổng 37.527.834 đồng, xét thấy: Như đã nhận định ở mục [2] thì việc ký kết hợp đồng giao khoán giai đoạn 2011 – 2015 và phụ lục gia hạn hợp đồng giai đoạn 2016 – 2017 giữa Công ty A và bà Nguyễn Thị P là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bà P đã đồng ý với các nội dung trong hợp đồng và đồng ý giao kết, quá trình thực hiện hợp đồng bà P đồng ý với các khoản thu của Công ty A thể hiện qua việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp sản lượng cho đến thời điểm hết thời hạn của hợp đồng ngày 30/12/2017, không có khiếu nại hay ý kiến gì. Bà P cho rằng Công ty thu sai nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc Công ty A bồi thường giá trị quyền sử dụng đất là 107.572.500 đồng, xét thấy: Nguồn gốc đất trên là do Công ty A được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê đất vào mục đích kinh doanh sản xuất cà phê, sản xuất lúa và áp dụng cơ chế khoán vườn cây và đất cho người lao động trong sản xuất. Sau đó, bà P ký kết hợp đồng nhận khoán giai đoạn 2011- 2015, phụ lục gia hạn hợp đồng giai đoạn 2012016 – 2017 để nhận đất canh tác trồng lúa trên diện tích đất nhận khoán và đóng sản lượng hàng năm cho Công ty A. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phục lục của hợp đồng các bên không có thỏa thuận về nội dung trường hợp chấm dứt hợp đồng giao khoán thì Công ty A có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất cho bà P nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà P, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất phải bồi thường giá trị về đất.

Do đó, từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố và kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A.

Chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất để trồng cây hàng năm số 109/2/2011/HĐGNK ngày 08/08/2011 và Phụ lục hợp đồng số 109/2/2016/PLHĐ ngày 21/04/2016 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A và bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả lại diện tích đất lúa 1051 m^2, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 83 tại thôn 08, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A; đất có vị trí tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 52,70m;

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 54,25m;

Phía Nam giáp đất ông Vũ Ngọc T dài 20,20m;

Phía Bắc giáp đất ông Vũ Ngọc T dài 19,40m.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A phải trả lại các khoản thuế, khấu hao thu sai giai đoạn 1990 – 2010 là 2.808.621 đồng; giai đoạn 2011 – 2015 là 19.517.958 đồng; giai đoạn 2016 – 2017 là 5.780.775 đồng; tổng 37.527.834đ (Ba mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi bày nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng) và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất là 107.572.500đ (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 7.255.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 3.627.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000882 ngày 24/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Bà Nguyễn Thị P còn phải nộp số tiền là 3.927.500đ (Ba triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/0020306 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001200 ngày 26/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E*;*
- Các đương sự;
- . . . . . .;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền